

BÁO CÁO

Về hoạt động và công tác giám sát năm 2024 của Hội đồng quản trị

Kính thưa: Các Quý vị cổ đông

Hội đồng quản trị Công ty xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024 và định hướng hoạt động năm 2025 như sau:

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2024

1. Thành phần Hội đồng quản trị năm 2024

Thành viên và cơ cấu của hội đồng quản trị (HĐQT) thực hiện quy chế làm việc theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức của Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Trong năm 2024, có sự thay đổi về cơ cấu thành viên như sau:

STT	Thành viên	Chức danh	Ghi chú
1	Ông Ngô Hồng Minh	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm lại ngày 24/4/2024
2	Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT	Không thay đổi
3	Ông Nguyễn Văn Hùng Cường	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm lại ngày 24/4/2024
4	Bà Nguyễn Đức Hạnh	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 24/4/2024
5	Ông Trần Việt Hải	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 24/4/2024

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2024

- Với vai trò là cơ quan quản lý Công ty, Hội đồng quản trị đã thể hiện quyết tâm cao trong việc chỉ đạo Tổng Giám đốc Công ty điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh linh hoạt, tuân thủ chặt chẽ quy định của Nhà nước và Công ty, bảo đảm hài hoà lợi ích của Công ty, các cổ đông và người lao động; duy trì sự đoàn kết nhất trí trong Hội đồng quản trị cũng như với Ban giám đốc Công ty;

- Trong năm 2024, HĐQT đã ban hành 22 Nghị quyết và 20 Quyết định, tất cả các cuộc họp HĐQT đều có sự tham dự của Ban Kiểm soát. Báo cáo ghi nhận sự tham gia của thành viên HĐQT tại các cuộc họp HĐQT cho năm tài chính 2024 như sau:

Thành viên	Chức danh	Số buổi họp	Tỷ lệ	Lý do không tham dự họp
Ông Ngô Hồng Minh	CT HĐQT	08/08	100%	
Ông Nguyễn Văn Dũng	TV HĐQT	08/08	100%	
Ông Nguyễn Văn Hùng Cường	TV HĐQT	08/08	100%	
Bà Nguyễn Đức Hạnh	TV HĐQT	03/03	100%	Miễn nhiệm từ 24/4/2024
Ông Trần Việt Hải	TV HĐQT	05/05	100%	Bổ nhiệm từ 24/4/2024

Hội đồng quản trị đã họp 08 phiên với tỷ lệ tham dự họp của các thành viên là 100% (không bao gồm 12 phiên họp dưới hình thức xin ý kiến thành viên bằng văn bản), trong đó tập trung giải quyết các vấn đề trọng tâm liên quan đến việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024, xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 và việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024; thực hiện công tác tái cơ cấu, công tác nhân sự, tiền lương và thi đua khen thưởng; chỉ đạo sát sao công tác đầu tư, phát triển nguồn nhân lực, phát triển thị trường; giám sát chặt chẽ hoạt động của Ban điều hành trong việc thực thi Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ban hành các quy chế quản trị, quy định nội bộ, Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị dựa trên sự nhất trí, đồng thuận của các thành viên Hội đồng quản trị, trên cơ sở lợi ích của các cổ đông và vì sự phát triển bền vững của Công ty;

- Năm 2024 là năm thị trường vận tải hàng không phục hồi mạnh mẽ và đón nhận những tín hiệu tăng trưởng tích cực thể hiện ở các mặt như một số hãng hàng không đến từ Trung Quốc khai thác trở lại sớm hơn kế hoạch định hướng, các hãng hàng không như China Airlines, Emirates Airlines, Cambodia Angkor Air đã tham gia chào hàng sớm hơn kế hoạch theo lời mời của NCS giúp NCS điều chỉnh và cập nhật lại được chính sách giá bán, thúc đẩy các nỗ lực tăng sản lượng và doanh thu. Vietnam Airlines cùng các hãng hàng không khai thác đến Việt Nam dự báo khôi phục hoàn toàn mạng được bay quốc tế và tiếp tục mở rộng sang các thị trường mới ở Trung Á, Ấn Độ, Úc và một số quốc gia Châu Âu

- Vì vậy, căn cứ diễn biến thị trường và đặc thù hoạt động kinh doanh của Công ty, HĐQT đã chỉ đạo doanh nghiệp xây dựng kế hoạch SXKD năm 2024 trình ĐHĐCĐ với mức lợi nhuận trước thuế là 51,9 tỷ đồng;

- Mặc dù vẫn còn những yếu tố thách thức và tiềm ẩn như biến động về giá dầu, tỷ giá, lãi suất, giá cả thị trường... nhưng HĐQT luôn tích cực:

- + Theo sát diễn biến thị trường để chủ động triển khai linh hoạt các giải pháp điều hành, khai thác mọi nguồn thu, quản trị chi phí, sử dụng nguồn lực phù hợp với tình hình thực tế nhằm thực hiện tốt Kế hoạch SXKD năm 2024 đã được ĐHĐCĐ thông qua;
- + Chỉ đạo điều hành dòng tiền để đảm bảo cho hoạt động SXKD; Tăng cường kiểm soát, thu hồi công nợ; Chủ động rà soát hợp đồng và xác định khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi, dự phòng đầu tư tài chính theo quy định;
- + Thường xuyên cập nhật kết quả thực hiện kế hoạch SXKD hàng tháng để đánh giá, phân tích kết quả đạt được, đồng thời làm rõ các tồn tại, hạn chế,

các nguyên nhân khách quan và chủ quan, các biện pháp khắc phục để rút kinh nghiệm và làm cơ sở thực hiện tốt nhất kế hoạch SXKD 2024;

- Thông qua hàng loạt các giải pháp điều hành kịp thời, cụ thể như nêu trên, thành quả đạt được trong năm 2024 với lợi nhuận trước thuế thực hiện đạt 67,61 tỷ đồng, chi tiết như sau:

- + Sản lượng chuyển bay: phục vụ 41.295 chuyến, bằng 100% kế hoạch năm và bằng 107,3% so với năm 2023;
- + Sản lượng suất ăn: thực hiện đạt 11.100.227 suất ăn, bằng 93% so với kế hoạch và bằng 106,5% so với năm 2023;
- + Doanh thu: 735,1 tỷ đồng, bằng 104% so với kế hoạch và bằng 119% so với năm 2023;
- + Tổng chi phí: 667,5 tỷ đồng, bằng 102% so với kế hoạch và bằng 117% so với năm 2023;
- + Lợi nhuận trước thuế: đạt 67,6 tỷ đồng, bằng 130% so với kế hoạch và bằng 146,4% so với năm 2023; Lợi nhuận sau thuế đạt được 54,7 tỷ đồng, Công ty đã xóa hoàn toàn lỗ lũy kế từ các năm trước và có lợi nhuận chưa phân phối 3,01 tỷ đồng.
- + Quỹ lương: thực hiện 168,9 tỷ đồng, bằng 121% so với kế hoạch và bằng 128,8% so với năm 2023;
- + Lãi cơ bản trên cổ phiếu: 3.052 đồng/cổ phiếu, bằng 118,6% so với năm 2023.

3. Thù lao và chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT:

- Việc chi trả thù lao của HĐQT được thực hiện theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 và được chi trả tuân thủ theo các quy định nội bộ của Công ty.

- + Thù lao của Chủ tịch HĐQT: 14,4 triệu đồng/tháng; Thành viên HĐQT: 11,52 triệu đồng/tháng.
- + Tổng thù lao của HĐQT năm 2024 là: 587,52 triệu đồng (chưa trừ thuế TNCN)

- Các chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị được thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước và của Công ty.

4. Việc giám sát đối với Tổng Giám đốc và người điều hành khác

- Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt việc giám sát Ban lãnh đạo trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

- Ban Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty linh hoạt, duy trì SXKD, chủ động tiết kiệm chi phí và tăng tối đa doanh thu, đảm bảo dòng tiền thanh toán;

- Ban lãnh đạo đã hoàn thành vai trò điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phù hợp với định hướng, chỉ đạo của Hội đồng quản trị, cụ thể:

- + Hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2024 với kết quả cao hơn so với kế hoạch đã được ĐHĐCĐ phê duyệt; Với kết quả lợi nhuận sau thuế năm 2024 đạt 54,77 tỷ đồng, Công ty đã xóa toàn bộ lỗ lũy kế và có lợi nhuận chưa phân phối 3,01 tỷ đồng.

- + Hoàn thiện việc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025;
- + Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT;
- + Triển khai hiệu quả các giải pháp trọng tâm đã được HĐQT phê duyệt;

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025

Trước nhận định năm 2025 và giai đoạn tới vẫn còn nhiều khó khăn do tình hình chính trị thế giới, giá vàng, lãi suất biến động, giá cả các loại hàng hóa trên thế giới có xu hướng tăng cao, ảnh hưởng đến nền kinh tế toàn cầu trong đó có ngành hàng không..., với định hướng tập trung duy trì và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 với một số chỉ tiêu chính:

- Chuyển bay: 46.161 chuyến, tăng 12% so với thực hiện 2024;
- Suất ăn: 12.815.374 suất ăn, tăng 15% so với thực hiện 2024;
- Tổng doanh thu: 841,39 tỷ đồng, tăng 14% so với thực hiện 2024;
- Tổng Chi phí: 760,83 tỷ đồng, tăng 14% so với thực hiện 2024;
- Lợi nhuận trước thuế: 80,56 tỷ đồng, tăng 19% so với thực hiện 2024;
- Lợi nhuận sau thuế: 64,44 tỷ đồng, tăng 18% so với thực hiện 2024;
- Tổng quỹ lương: 188,77 tỷ đồng, tăng 12% so với thực hiện 2024;
- Lao động bình quân: 802 người, tăng 6% so với thực hiện 2024;
- Về kế hoạch đầu tư:

Tổng mức đầu tư 82.22 tỷ đồng, trong đó:

- + Đầu tư chuyển tiếp trang thiết bị lẻ từ năm 2024 chuyển sang: 21,64 tỷ đồng (08 danh mục trang thiết bị chuẩn bị đầu tư – 3,73 tỷ đồng; 14 danh mục thực hiện đầu tư – 17,91 tỷ đồng);
- + Đầu tư mới năm 2025 là: 60,58 tỷ đồng (gồm 18 danh mục: Nhóm máy móc, dây chuyền sản xuất: 03 danh mục – 5,41 tỷ đồng; Nhóm phương tiện vận tải: 04 danh mục – 27,53 tỷ đồng; Nhóm phần mềm, công nghệ thông tin: 04 danh mục – 9,86 tỷ đồng; Nhóm trang thiết bị phụ trợ: 07 danh mục – 17,79 tỷ đồng).
- + Kế hoạch Khôi lượng hoàn thành: 59,19 tỷ đồng; Kế hoạch Giải ngân: 56,85 tỷ đồng.
- + Tiến độ triển khai: sau khi ĐHĐCĐ phê duyệt kế hoạch SXKD, Công ty sẽ tổ chức triển khai thực hiện.

- Căn cứ nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh này, trong năm 2025, Hội đồng quản trị sẽ tập trung thực hiện các giải pháp chính như sau:

❖ Kế hoạch quản trị doanh thu:

- + Hàng tháng, Công ty tiến hành lập KH doanh thu cập nhật theo tình hình thực tế của tháng kế hoạch;
- + Thường xuyên đánh giá tình hình thực hiện doanh thu so với KH;
- + Chủ động cập nhật doanh thu từ VNA và các hãng.

❖ Kế hoạch quản trị chi phí chung:

Chi phí nguyên vật liệu:

- + Công ty triển khai lập kế hoạch sử dụng NVL hàng tháng: Căn cứ vào kế hoạch sản lượng hàng tháng, Công ty lập các kế hoạch sử dụng chi phí NVL của tháng;
- + Hàng kỳ, Công ty sẽ tiến hành đánh giá lại việc thực hiện kế hoạch sử dụng NVL đã lập để đảm bảo tính hiệu quả trong công tác lập kế hoạch và quản trị chi phí;

Chi phí tiền lương:

- + Thực hiện quản lý lao động tiền lương theo quy định tại Nghị định 44/2025/NĐ-CP
- + Giám sát chặt chẽ & đảm bảo việc sử dụng lao động hợp lý tại các phòng để đảm bảo đạt được mục tiêu tăng NSLĐ;

Chi phí vận hành khác:

- + Đối với các chi phí vận hành biến đổi theo sản lượng suất ăn hoặc chuyến bay: Công ty quản trị theo tỷ trọng của các chi phí này trên yếu tố tác động tương ứng. Rà soát đánh giá thường xuyên để tham mưu kịp thời cho Ban lãnh đạo công ty khi có các biến động vượt ngưỡng;
- + Đối với các chi phí vận hành cố định: Kiểm soát dựa trên hiệu quả kinh doanh của Công ty. Công ty lập thứ tự ưu tiên trong việc thực hiện các khoản mục chi phí đảm bảo tính hiệu quả khi vận hành chi phí;

Với vai trò và trách nhiệm quản lý Công ty, năm 2025, Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục củng cố, nâng cao năng lực quản trị, tập trung chỉ đạo sát sao việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị sẽ thực hiện các giải pháp phù hợp và linh hoạt trong từng thời điểm cụ thể, đồng thời đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát đối với Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý của Công ty.

III. KIẾN NGHỊ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua Báo cáo về hoạt động và công tác giám sát năm 2024 của Hội đồng quản trị.

Thay mặt Hội đồng quản trị, xin chân thành cảm ơn các Quý vị cổ đông đã tin tưởng và gắn bó với Công ty trong những năm vừa qua. Kính chúc các Quý vị cổ đông và Quý vị đại biểu mạnh khỏe, chúc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thành công tốt đẹp.

Xin trân trọng cảm ơn./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Ngô Hồng Minh

Số: 02/2025/BC-BKS/NCS

Hà Nội, ngày 03 tháng 4 năm 2025



BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY

Về Tình hình hoạt động năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025

Kính gửi: Quý Cổ đông CTCP suất ăn hàng không Nội bài

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2021;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần suất ăn hàng không Nội bài (NCS);
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát công ty NCS.

Ban Kiểm soát (BKS) xin báo cáo Quý Cổ đông về các mặt hoạt động trong năm 2024 và Kế hoạch hoạt động năm 2025 của Ban Kiểm soát như sau:

I. TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Cơ cấu tổ chức của BKS:

Ngày 24/4/2024, ĐHĐCĐ hoàn tất thủ tục về công tác nhân sự thành viên BKS Công ty (do 02 cổ đông VNA và VACS đề nghị). BKS công ty NCS gồm 03 thành viên trong đó Trưởng ban do cổ đông Vietnam Airlines giới thiệu.

2. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Năm 2024, Ban Kiểm soát đã thực hiện 02 cuộc họp kết hợp kiểm soát trực tiếp tại Trụ sở Công ty. BKS đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định, nội dung công việc kiểm soát gồm: (i) giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của công ty; (ii) kiểm soát việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ/HĐQT, giám sát việc quản lý, điều hành công ty của Ban điều hành; (iii) rà soát/kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ các khoản mục chi phí; giám sát công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính; (iv) soát xét BCTC hàng kỳ, đánh giá tình hình hoạt động SXKD của Công ty, lập các báo cáo của BKS trình ĐHĐCĐ thường niên.

BKS đã tham dự đầy đủ các buổi họp của HĐQT để nắm bắt kịp thời các chủ trương/kế hoạch của Công ty. Đóng góp ý kiến/giám sát các nội dung quan trọng trong hoạt động của công ty như rà soát các văn bản nội bộ liên quan đến cung ứng suất ăn, rà soát số liệu SXKD hàng quý trình HĐQT...; thường xuyên liên hệ với bộ phận kế toán và các bộ phận liên quan để nắm bắt tình hình hoạt động, hệ thống số liệu tài chính của Công ty.

II. KẾT QUẢ KIỂM SOÁT

1. Giám sát việc tuân thủ các quy chế, quy định nội bộ của Công ty; Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị:

Trong năm, ĐHĐCĐ/HĐQT đã ban hành 42 Nghị quyết/Quyết định, tập trung vào chỉ đạo các nội dung liên quan đến hoạt động SXKD (kế hoạch SXKD, hạn mức tín dụng ngắn hạn ...); các dự án đầu tư TSCĐ; công tác tổ chức - nhân sự - lao động ban hành các quy chế/quy định nội bộ (QC tài chính, QC quản lý lương, thưởng) Trong đó 41/42 Nghị quyết, Quyết định đã hoàn thành (đạt tỷ lệ 98%); nội dung đang triển khai thực hiện về sửa đổi mô hình tổ chức các phòng chuyên môn, dự kiến sẽ hoàn thành trong tháng 6/2025



Các Nghị quyết của HĐQT ban hành đúng trình tự, thẩm quyền và phù hợp với quy định của pháp luật. HĐQT thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát định kỳ thông qua các báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về tình hình hoạt động SXKD hàng kỳ.

Ban Điều hành công ty đã tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty; thực hiện công tác điều hành linh hoạt trong tổ chức hoạt động SXKD, triển khai thực hiện các nội dung quan trọng, cụ thể: (i) Xây dựng các kịch bản điều hành SXKD nhằm ứng phó với biến động của môi trường kinh doanh; (ii) Tìm kiếm các giải pháp mở rộng tệp khách hàng ngoài VNA; (iii) nâng cao hiệu suất lao động đáp ứng nhu cầu hoạt động SXKD trong tình hình mới.

Tất cả các nội dung chỉ đạo của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đối với hoạt động quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty đã được triển khai thực hiện đầy đủ, Công ty không phát sinh nội dung chỉ đạo của HĐQT chưa được triển khai hoặc quá hạn hoàn thành.

2. Giám sát hoạt động tài chính và việc chấp hành các chế độ Tài chính kế toán theo quy định của Luật kế toán thông qua việc soát xét sổ sách, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính.

Công ty đã lập đầy đủ Báo cáo tài chính năm 2024 theo hướng dẫn của Chế độ kế toán Việt Nam. Báo cáo Tài chính đã được Công ty kiểm toán UHY thực hiện kiểm toán và không có yếu tố bị loại trừ. Trong năm, công ty không có thay đổi chính sách kế toán so với năm trước; việc ghi chép, mở sổ kế toán, phân loại các nội dung kinh tế theo chuẩn mực kế toán theo đúng qui định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành. Công ty đã thực hiện trích khấu hao, thanh lý/nhượng bán tài sản cố định, tổ chức công tác kiểm kê tài sản/tiền vốn và lập các báo cáo kiểm kê theo đúng quy định. Công ty thực hiện công bố thông tin đầy đủ, đúng hạn theo quy định của Luật chứng khoán.

Ban Kiểm soát đã thực hiện thẩm định Báo cáo tài chính và nhận thấy về cơ bản, Công ty đã tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước và của Công ty. BKS nhất trí với đánh giá của Công ty Kiểm toán “Báo cáo tài chính công ty NCS đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

Công ty luôn chấp hành và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và các khoản thu nộp ngân sách; không có vi phạm về hành chính liên quan đến việc chấp hành chế độ, chính sách pháp luật hiện hành.

3. Đánh giá tình hình thực hiện kiến nghị/kết luận của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và khuyến cáo của BKS

- Đối với các kiến nghị của cơ quan Nhà nước:

+ Khuyến cáo của KTTN liên quan đến khoản công nợ của Indochina Airlines: công ty tiếp tục theo dõi sát sao; tuy nhiên, đối tác vẫn chưa đủ điều kiện để xóa nợ theo quy định tại Thông tư 48/2019/TT-BTC (Indochina Airlines chưa xóa mã số thuế, chưa tuyên bố phá sản).

+ Kiến nghị của thanh tra Bộ Giao thông vận tải liên quan đến công tác quản lý, sử dụng đất đai: Công ty đã nhận được quyết định về việc cho NCS thuê 12.368,2 m² đất tại Cảng hàng không quốc tế Nội Bài để sử dụng làm cơ sở chế biến Suất ăn hàng không Nội Bài (QĐ số 368/QĐ-CVMB ngày 24/11/2023); hiện đang chờ Cảng vụ Nội Bài hoàn tất thủ tục ký hợp đồng cho thuê đất.

- **Đối với các kiến nghị của BKS/KSV:** Công ty đang triển khai các giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng dòng tiền nhàn rỗi, rà soát nhu cầu/kế hoạch đầu tư theo kiến nghị;

4. Kết quả hoạt động SXKD năm 2024:

4.1. Hoạt động kinh doanh

DVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	Thực hiện cùng kỳ	So sánh cùng kỳ	SS KH năm
1. Sản lượng					
2. Doanh thu cung ứng HHDV	705.506	732.067	613.714	119%	104%
Tr.đó: Cung ứng cho VNA	409.734	427.960	373.556	115%	104%
3. Doanh thu HĐTC	609	2.799	3.782	74%	460%
4. Thu nhập khác	131	213	239	89%	163%
Tổng Doanh thu	706.246	735.079	617.735	119%	104%
5. Chi phí SXKD	638.701	655.063	546.807	120%	103%
6. Chi phí HĐTC	15.643	12.368	24.669	50%	79%
7. Chi phí khác		39	9	462%	
Tổng chi phí	654.344	667.470	571.485	117%	102%
8. Lợi nhuận SXKD	66.805	77.003	66.907	115%	115%
9. Lợi nhuận HĐTC	(15.034)	(9.569)	(20.887)	46%	64%
10. Lợi nhuận khác	131	174	231	75%	133%
Tổng LN trước thuế	51.902	67.609	46.251	146%	130%
Tổng LN sau thuế	44.260	54.775	46.251	118%	124%

Về Doanh thu:

Tổng doanh thu năm 2024 đạt 735,08 tỷ đồng, tăng 4% so với KH (tăng 28,8 tỷ) và tăng 19% so với năm 2023 (tăng 117,3 tỷ).

Về Chi phí:

Tổng chi phí đạt 667,5 tỷ đồng bằng 102% KH năm (tăng 13,1 tỷ) và bằng 117% cùng kỳ (tăng gần 96 tỷ).

- Chi phí tài chính đạt 12,4 tỷ đồng bằng 79% KH năm (giảm 3,3 tỷ) và bằng 50% cùng kỳ (giảm 12,3 tỷ); chủ yếu là chi phí lãi vay trong kỳ, nguyên nhân giảm do công ty chủ động giảm sử dụng vốn vay ngân hàng.

Lợi nhuận trước thuế: LNTT thực hiện năm 2024 đạt 67,6 tỷ đồng, tăng 30% so với KH năm (tăng 15,7 tỷ) và tăng 46% so với cùng kỳ (tăng 21,4 tỷ).

Đánh giá: Hoạt động SXKD của công ty đạt hiệu quả cao, tăng trưởng vượt bậc so với năm 2023; công ty đã nỗ lực mở rộng nguồn thu ngoài VNA đồng thời thực hiện tốt công tác quản trị chi phí. Năm 2024, công ty đã xóa toàn bộ lỗ lũy kế từ các năm trước và có lợi nhuận chưa phân phối trên 3 tỷ đồng.

4.2. Tình hình đầu tư:

Tổng mức đầu tư KH 2024 là 35,9 tỷ đồng bao gồm 14 danh mục đầu tư chuyển tiếp (giá trị 9,6 tỷ đồng) và 28 danh mục đầu tư mới (giá trị 26,3 tỷ đồng). Khối lượng hoàn thành KH là 24,5 tỷ đồng và kế hoạch giải ngân là 28,1 tỷ đồng.

Trong năm, công ty thực hiện giải ngân 2,3 tỷ đồng (bằng 8% kế hoạch năm); trong đó đã hoàn thành hạng mục Máy đóng gói trà sữa với giá trị giải ngân 1,2 tỷ, ghi tăng TSCĐ với nguyên giá 1,084 tỷ đồng. Ngoài ra, công ty đã hoàn thành lựa chọn nhà cung cấp đối với các gói mua sắm Thiết bị bếp, Xe nâng suất ăn có thùng lạnh và Máy soi chiếu an ninh; đã thực hiện tạm ứng 1,12 tỷ cho gói Thiết bị bếp (30% giá trị hợp đồng). Trình tự thủ tục mua sắm và ghi nhận TSCĐ tuân thủ theo các quy định hiện hành của Nhà nước và nội bộ công ty. Công ty không phát sinh nghiệp vụ thanh lý tài sản trong kỳ.

1509403
CÔNG TY
CỔ PHẦN
HÀNG KHÔNG
QUỐC TẾ
TP. HCM

Đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp

Công ty NCS không phát sinh hoạt động đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp.

4.3. Tình hình quản lý công nợ:

Chỉ tiêu	01/1/2024	31/12/2024	Tăng / (Giảm)
Hệ số nợ (tổng phải trả tổng nguồn vốn)	0,72	0,61	(0,11)
Hệ số nợ phải trả trên VCSH	2,63	1,82	(0,80)
Hệ số nợ vay trên VCSH	1,87	0,92	(0,95)

Công ty thực hiện ghi nhận và theo dõi công nợ phải thu, phải trả theo từng đối tượng nợ, tuổi nợ, thực hiện trích lập công nợ phải thu khó đòi theo đúng quy định của Nhà nước và quy định tại quy chế tài chính, quy chế quản lý nợ của Công ty. Trong năm không phát sinh thêm công nợ khó đòi.

4.4. Khả năng thanh toán

Chỉ tiêu	01/1/2024	31/12/2024	Tăng / (Giảm)
Khả năng thanh toán tổng quát = Tổng TS / Nợ phải trả	1,38	1,55	0,17
Khả năng thanh toán ngắn hạn = TS ngắn hạn / Nợ ngắn hạn	0,61	0,79	0,18
Khả năng thanh toán nhanh = (TS LĐ - HTK)/Nợ ngắn hạn	0,55	0,73	0,18
Khả năng thanh toán lãi vay = EBIT / Lãi vay	2,88	6,12	3,24

Mặc dù hệ số thanh toán nhanh/ngắn hạn vẫn dưới ngưỡng an toàn (thấp hơn 1); nhưng nhìn chung, nhóm hệ số khả năng thanh toán có xu hướng tốt hơn so với đầu năm. Chỉ tiêu khả năng thanh toán lãi vay được cải thiện rất tốt, nguyên nhân do Công ty hoạt động SXKD đạt kết quả cao, đồng thời Công ty tích cực sử dụng các giải pháp kiểm soát dòng tiền thu – chi, tận dụng hạn mức vay tại các ngân hàng có mức lãi suất thấp, ... để giảm tối đa chi phí lãi vay.

4.5. Một số vấn đề liên quan khác

• Các chỉ tiêu tài chính

- Bảo toàn vốn

Chỉ tiêu	01/1/2024	31/12/2024	Tăng/(Giảm)
LNST/tổng TS bình quân (ROA)	9.5%	11.8%	2.3%
LNST/DT thuần (ROS)	7.5%	7.5%	-0.1%
LNST/Vốn CSH bình quân (ROE)	44.2%	33.7%	-10.5%
Lợi nhuận gộp/Giá vốn hàng bán	20.5%	19.0%	-1.4%

Năm 2024, công ty đạt LNTT 67,6 tỷ, tăng 30% so với KH và tăng 46% so với cùng kỳ. Nhóm các chỉ tiêu về khả năng sinh lời ROA, ROE, ROS tăng trưởng ổn định (riêng chỉ tiêu ROE giảm so với năm trước do vốn CSH tăng cao khi công ty xóa được toàn bộ lỗ lũy kế), cho thấy việc sử dụng tài sản, tiền vốn của Công ty đạt hiệu quả cao, vốn đầu tư của CSH được bảo toàn và phát triển.

- Việc tuân thủ quy định về huy động vốn và sử dụng vốn vay

Việc huy động vay ngắn hạn trong năm 2024 không vượt quá hạn mức tín dụng ngắn hạn phục vụ hoạt động SXKD năm 2024 đã được HĐQT phê duyệt; lãi suất vay ngắn hạn phù hợp mức lãi suất của các ngân hàng thương mại trên thị trường.

Quy trình huy động vốn tuân thủ các quy định của Công ty. Vốn huy động đều được sử dụng đúng mục đích. Công ty đã nghiêm túc thực hiện thanh toán tiền gốc, tiền lãi của các khoản vay theo đúng quy định tại các hợp đồng vay vốn.

5. Thực hiện chính sách lao động tiền lương

- Quỹ tiền lương của người lao động và Ban điều hành:

NCS áp dụng phương pháp xác định quỹ lương theo ND số 53/ND-CP và TT 28/TT-BLĐTBXH.

- Quỹ tiền lương TBKS và thù lao HĐQT:

Công ty đã áp dụng nguyên tắc tính toán và sử dụng số liệu tính toán phù hợp với quy định của Nhà nước và hướng dẫn của cơ quan chuyên môn. Quỹ tiền lương thực hiện năm 2024 của Trường ban kiểm soát chuyên trách: 0,67 tỷ đồng.

Công ty đã tính mức lương đối với chức danh của Chủ tịch và Thành viên HĐQT chuyên trách, trên cơ sở đó để tính thù lao của HĐQT kiêm nhiệm bằng 20% mức tiền lương tương ứng của Chủ tịch, Thành viên HĐQT chuyên trách. Quỹ thù lao thực hiện năm 2024 là 0,79 tỷ đồng.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2025

Để hoàn thành nhiệm vụ kiểm soát theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát trình Đại hội kế hoạch làm việc năm 2025 như sau:

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành, quản lý của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc; kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực, cẩn trọng trong quản lý và điều hành hoạt động SXKD, thực hiện đầu tư, quản lý vốn, tài sản ... của Công ty.
- Xem xét các kế hoạch, báo cáo của Công ty về: tình hình tài chính, SXKD, thực hiện các dự án đầu tư, công tác tổ chức, lao động, tiền lương; việc thực hiện các chế độ liên quan đến người lao động,...
- Thực hiện chức năng kiểm tra/kiểm soát: Định kỳ soát xét hoạt động SXKD và thẩm định báo cáo tài chính của Công ty (tối thiểu 02 lần/năm sau khi công ty phát hành BCTC quý/năm); dự kiến thực hiện 02 chuyên đề giám sát hoạt động: “Rà soát quy trình lựa chọn nhà cung ứng NVL phục vụ sản xuất suất ăn” (chuyển tiếp năm 2024) và “Kiểm tra tình hình thực hiện hoạt động sửa chữa lớn và thuê tài sản”.
- Tiếp nhận thông tin, trao đổi với cổ đông và xử lý các vấn đề theo yêu cầu của cổ đông (các vấn đề thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của Ban Kiểm soát).
- Tham dự đầy đủ các kì họp HĐQT của Công ty để nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động của NCS. Duy trì sự phối hợp chặt chẽ giữa Ban Kiểm soát với HĐQT, Ban điều hành và các phòng, ban chức năng trong Công ty.

IV. KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT:

Qua quá trình kiểm soát, Ban Kiểm soát nhận thấy HĐQT và Ban điều hành đã nỗ lực triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đã đạt được nhiều kết quả tích cực, hiệu quả. Nhằm mục đích tăng cường công tác quản lý, điều hành Công ty, Ban Kiểm soát có một số kiến nghị sau:

1. Đối với Đại hội đồng cổ đông:

Thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024 của Công ty NCS;

2. Đối với HĐQT/Ban điều hành công ty:

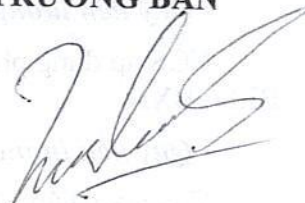
Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn: Nghiên cứu giải pháp cải thiện về cơ cấu tài sản ngắn hạn và nguồn vốn ngắn hạn nhằm giảm thiểu rủi ro trong thanh toán ngắn hạn.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, TGD;
- BKS;
- Lưu Thư ký Công ty.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Lê Hoàng Chính

Số: 02/BC-NCS-HĐQT

Hà Nội, ngày 03 tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024
và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty cổ phần Suất ăn hàng không Nội Bài

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 như sau:

I. Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch 2024

1.1. Những khó khăn, thuận lợi trong quá trình thực hiện kế hoạch 2024:

❖ Thuận lợi:

- Thị trường hàng không năm 2024 cơ bản đã phục hồi, đặc biệt thị trường hàng không nội địa tăng trưởng khoảng 12% so với năm 2019;

- Một số hãng hàng không quốc tế như Japan Airlines (JL), China Airlines (CI) thực hiện chào hàng trong năm 2024 điều chỉnh đơn giá tăng lên so với dự kiến khiến cho DT cũng tăng so với kế hoạch ĐHCĐ, khách hàng Air China (CA) dự kiến khai thác từ quý II/2024, tuy nhiên khai thác sớm hơn dự kiến từ 30/01/2024 với đơn giá điều chỉnh cao hơn so với kế hoạch. Các yếu tố trên góp phần tăng sản lượng và doanh thu cho NCS;

- Triển khai thử nghiệm trà sữa chạng bay quốc tế từ tháng 3/2024 góp phần lan tỏa tích cực sản phẩm trà sữa của NCS tới khách hàng trong nước và quốc tế. Mở rộng thêm các đường bay quốc tế cấp bán Trà sữa gồm: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc.

❖ Khó khăn:

- Tốc độ hồi phục của thị trường hàng không vẫn còn chậm, đặc biệt là thị trường hàng không Nhật Bản và Dubai.

- Một số hãng hàng không quốc tế duy trì khai thác tàu thân hẹp thay tàu thân rộng như giai đoạn 2019 làm ảnh hưởng không nhỏ đến sản lượng doanh thu từ các hãng;

- Sản phẩm nonair hiện đang được truyền thông qua website, fanpage behangkhong.com của NCS. Các sản phẩm được giới thiệu theo tuần, độ tương tác giữa khách hàng và sản phẩm chưa nhiều.

- Mặc dù sản phẩm của Công ty được người tiêu dùng đánh giá cao, nhưng do nguyên vật liệu đầu vào phải được kiểm soát theo quy trình chặt chẽ, đảm bảo ATVSTP nên giá thành sản phẩm tương đối cao, không đủ cạnh tranh để đưa vào kênh phân phối ở siêu thị. Khoảng cách từ NCS đến các địa điểm trong nội thành khá xa, chi phí vận chuyển cao nên gặp nhiều khó khăn trong việc giao hàng và phát triển thêm các đại lý.

❖ **Các chỉ tiêu chính năm 2024:**

STT	Diễn giải	Đơn vị tính	TH 2023	Năm 2024		TH 2024/KH 2024 (%)	TH 2024/TH 2023 (%)
				Kế hoạch	Thực hiện		
I.1	Sản lượng suất ăn	suất	10,420,646	11,954,605	11,100,227	93%	107%
1	Cung ứng cho VNA Group	suất	6,349,492	6,726,478	6,823,700	101%	107%
2	Cung ứng cho đối tác khác	suất	4,071,154	5,228,128	4,276,527	82%	105%
I.3	Sản lượng chuyển bay	Chuyển	38,485	41,251	41,295	100%	107%
1	Tổng doanh thu	Tr.đ	617,939	706,246	735,079	104%	119%
1.1	Doanh thu từ hoạt động SXKD	Tr.đ	613,714	705,506	732,067	104%	119%
	- Doanh thu cung ứng cho VNA Group	Tr.đ	374,234	409,734	427,960	104%	114%
	- Doanh thu cho đối tác khác	Tr.đ	239,218	295,511	303,795	103%	127%
	- Thu phí liệu	Tr.đ	262	262	312	119%	119%
1.2	Doanh thu từ hoạt động tài chính	Tr.đ	3,986	609	2,799	460%	70%
1.3	Thu nhập khác	Tr.đ	239	131	213	163%	89%
2	Tổng chi phí	Tr.đ	571,755	654,344	667,470	102%	117%
2.1	Chi phí sản xuất kinh doanh	Tr.đ	547,085	638,701	655,063	103%	120%
2.2	Chi phí tài chính	Tr.đ	24,670	15,643	12,368	79%	50%
2.3	Chi phí khác	Tr.đ	-	-	39		
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	46,184	51,902	67,609	130%	146%
4	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	Tr.đ	46,184	44,260	54,769	124%	119%
II	Các chỉ tiêu khác						
1	Vốn chủ sở hữu	Tr.đ					
1.1	Vốn chủ sở hữu bình quân trong năm của DN	Tr.đ	179,491	179,491	179,491	100%	100%
1.2	Vốn đầu tư của các chủ sở hữu cuối kỳ báo cáo	Tr.đ	179,491	179,491	179,491	100%	100%
	Trong đó:	Tr.đ					
	+ Vốn đầu tư của TCT vào DN cuối kỳ báo cáo	Tr.đ	108,006	108,006	108,006	100%	100%
	+ Tăng, giảm vốn góp của TCT trong năm	Tr.đ					
2	Lợi nhuận/cổ tức TCT được hưởng trong kỳ	Tr.đ	16,201	-	-		
	+ Bằng tiền	Tr.đ	16,201	-	-		
	+ Bằng cổ phiếu (Giá trị theo mệnh giá)	Tr.đ	-	-	-		
3	Tỷ suất Lợi nhuận ST/Vốn CSH BQ (%)	%	26%	25%	31%	124%	119%
4	Kế hoạch đầu tư trong kỳ	Tr.đ					
4.1	Đầu tư XDCB và TTĐ	Tr.đ					
	- Giá trị khối lượng công việc hoàn thành	Tr.đ	-	20,695	1,192	6%	
	- Giá trị giải ngân	Tr.đ	-	24,340	2,317	10%	
4.2	Đầu tư vốn vào DN khác	Tr.đ	-	-	-		
5	Tổng quỹ lương, tiền công thực hiện	Tr.đ	131,132	139,839	168,916	121%	129%
6	Lao động bình quân	Người	744	787	756	96%	102%

Đánh giá tổng quan tình hình thực hiện kế hoạch năm 2024:

- **Tổng Sản lượng suất ăn:** thực hiện đạt 11.100.227 suất ăn, giảm 7% so với KH 2024 và tăng 7% so với TH 2023. Trong đó so với KH 2024: Sản lượng suất ăn VNA quốc tế và Nonair giảm lần lượt: 2% và 26%, Sản lượng suất ăn VNA nội địa và các hãng hàng không đều tăng lần lượt: 4%,13%.

- **Tổng Sản lượng suất ăn quy đổi:** thực hiện đạt 12.160.001 suất ăn, giảm 4% so với KH 2024 và tăng 11% so với TH 2023;

- **Tổng Sản lượng chuyển bay:** 41.295 chuyển bay, tăng 44 chuyển bay so với KH 2024, tăng 7% so với TH 2023;

- **Tổng Doanh thu thực hiện năm 2024:** 735,1 tỷ đồng, tăng 28,8 tỷ đồng (4%) so với KH 2024 và tăng 19% so với TH 2023. Chi tiết:

+ Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh: 732,1 tỷ đồng tăng 26,6 tỷ đồng (4%) so với KH 2024 và tăng 19% TH 2023).

+ Doanh thu hoạt động tài chính: 2,8 tỷ đồng tăng 2,2 tỷ đồng so với KH năm 2024.

- **Tổng chi phí thực hiện:** 667,5 tỷ đồng tăng 2% so với KH năm 2024 và tăng 17% TH 2023. Trong đó: chi phí sản xuất kinh doanh: 655,1 tỷ đồng tăng 3% so với KH 2024 và tăng 20% so với TH 2023; chi phí tài chính: 12,4 tỷ đồng giảm 3,3 tỷ so với KH 2024. So với KH 2024 và thực hiện 2023, tốc độ tăng tổng chi phí đang duy trì thấp hơn 2% so với tốc độ tăng tổng doanh thu.

- **Tổng lợi nhuận trước thuế** đạt 67,6 tỷ đồng, tăng 15,7 tỷ đồng (30%) so với KH 2024 và tăng 21,4 tỷ đồng (46%) so với TH năm 2023;

- **Tổng lợi nhuận sau thuế** đạt 54,8 tỷ đồng với tỷ suất lợi nhuận/tổng doanh thu thuần: 7% tăng 1% so với KH 2024. Với lợi nhuận đạt được, Công ty đã xóa hoàn toàn lỗ lũy kế từ các năm trước và có lợi nhuận chưa phân phối 3,01 tỷ đồng.

1.2. Tình hình thực hiện LDTL:

- Quỹ lương: 168,9 tỷ đồng bằng 121% KH (139,8 tỷ đồng)

- Lao động bình quân: 756 người, bằng 96% kế hoạch (787 người)

1.3. Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư:

- **Tổng mức đầu tư:** 32,84 tỷ đồng, trong đó: đầu tư chuyển tiếp là 9,59 tỷ đồng (14 danh mục trang thiết bị lẻ), đầu tư mới năm 2024 là: 23,25 tỷ đồng (bao gồm đầu tư các trang thiết bị phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh - gồm 28 danh mục đầu tư trang thiết bị lẻ);

- Khối lượng hoàn thành:

+ Kế hoạch: 20,69 tỷ đồng;

+ Thực hiện: Sau khi ĐHĐCĐ phê duyệt kế hoạch SXKD, Công ty triển khai công tác đầu tư, lựa chọn nhà thầu gói thầu đầu tư máy đóng gói miệng trà sữa, đã hoàn thành và đưa vào sử dụng tháng 9/2024 với giá trị 1,192 tỷ đồng; Tổng khối lượng hoàn thành trong kỳ 1,192 tỷ đồng 5,8% so với KH năm.

Ngoài ra, gói thầu đầu tư xe nâng suất ăn có thùng lạnh và Máy soi chiếu an ninh dự kiến bàn giao đưa thiết bị vào sử dụng cuối quý 1, đầu quý 2/2025.

Các thiết bị đưa vào sử dụng đáp ứng tăng năng lực sản xuất và nhu cầu cầu khách hàng;

- Giá trị giải ngân:

+ Kế hoạch: 24,34 tỷ đồng;

+ Thực hiện: 2,317 tỷ đồng đạt 9,5% KH năm: bao gồm 1,192 tỷ đồng Máy đóng gói miệng trà sữa và tạm ứng 1,125 tỷ đồng gói Thiết bị bếp (tương đương 30% giá trị hợp đồng).

II. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025

2.1. Những khó khăn, thuận lợi:

❖ Thuận lợi:

➤ Đối với Airlines:

- Thị trường hàng không trong năm 2025 được dự báo sẽ đón nhận những thuận lợi và tín hiệu tích cực từ các chính sách nâng cấp cơ sở hạ tầng giúp giảm tình trạng tắc nghẽn, tạo điều kiện nâng cao khả năng khai thác các đường bay nội địa và

quốc tế. Bên cạnh đó, việc các hãng hàng không Việt Nam và nước ngoài nghiên cứu, mở thêm các đường bay cũng là cơ hội để phát triển thị trường;

- Theo thông tin của Cục Hàng không Việt Nam, từ 01/03/2025, miễn thị thực cho công dân 3 nước (Cộng hòa Ba Lan, Cộng hòa Séc, Liên bang Thụy sĩ).

➤ **Thị trường Non-Air:**

- Với lợi thế nhà xưởng và dây chuyền sản xuất chuyên nghiệp, luôn tuân thủ nghiêm ngặt quy trình ATVSTP cùng đội ngũ chuyên gia đầu bếp nhiều kinh nghiệm đã khiến cho khách hàng luôn tin tưởng khi lựa chọn các sản phẩm Nonair của NCS như sản phẩm Giò chả Tết, Bánh Trung thu, các suất ăn nhẹ, tiệc trà teabreak...
- Mục tiêu xây dựng hình ảnh sản phẩm chất lượng tốt và giá thành hợp lý là tiền đề để NCS tiếp tục duy trì và phát triển các dòng sản phẩm Non Air mới trong năm 2025.

❖ **Khó khăn:**

- Trở ngại đối với ngành hàng không là sự cạnh tranh gay gắt, các vấn đề liên quan đến chuỗi cung ứng tàu bay và đồng USD tăng.
- Chi phí nhiên liệu tăng kéo theo chi phí của các hãng hàng không tăng theo. Điều này có thể dẫn đến việc tiết giảm ngân sách của các hãng hàng không thông qua cắt giảm tiêu chuẩn cũng như giảm giá bằng hình thức đàm phán hoặc đấu thầu;
- Tình hình giá cả (NVL chính và VL phụ) biến động tăng so với các năm trước;
- Tình hình cạnh tranh trong lĩnh vực suất ăn ngày càng phức tạp, bao gồm các catering trong nước và ở các đầu của các hãng;

2.2. Dự kiến các chỉ tiêu chính năm 2025:

- Chuyến bay: 46.161 chuyến, tăng 12% so với thực hiện 2024;
- Suất ăn: 12.815.374 suất ăn, tăng 15% so với thực hiện 2024;
- Tổng doanh thu: 841,39 tỷ đồng, tăng 14% so với thực hiện 2024;
- Tổng Chi phí: 760,83 tỷ đồng, tăng 14% so với thực hiện 2024;
- Lợi nhuận trước thuế: 80,56 tỷ đồng, tăng 19% so với thực hiện 2024;
- Lợi nhuận sau thuế: 64,44 tỷ đồng, tăng 18% so với thực hiện 2024;
- Tổng quỹ lương: 188,77 tỷ đồng, tăng 12% so với thực hiện 2024;
- Lao động bình quân: 802 người, tăng 6% so với thực hiện 2024;
- Về kế hoạch đầu tư:

Tổng mức đầu tư: 82.22 tỷ đồng, trong đó:

+ Đầu tư chuyển tiếp trang thiết bị lẻ từ năm 2024 chuyển sang: 21,64 tỷ đồng (08 danh mục trang thiết bị chuẩn bị đầu tư – 3,73 tỷ đồng; 14 danh mục thực hiện đầu tư – 17,91 tỷ đồng);

+ Đầu tư mới năm 2025 là: 60,58 tỷ đồng (gồm 18 danh mục: Nhóm máy móc, dây chuyền sản xuất: 03 danh mục – 5,41 tỷ đồng; Nhóm phương tiện vận tải: 04 danh mục – 27,53 tỷ đồng; Nhóm phần mềm, CNTT: 04 danh mục – 9,86 tỷ đồng; Nhóm TTB phụ trợ: 07 danh mục – 17,79 tỷ đồng).

+ Kế hoạch Khối lượng hoàn thành: 59,19 tỷ đồng; Kế hoạch Giải ngân: 56,85 tỷ đồng.

Tiến độ triển khai: sau khi ĐHĐCĐ phê duyệt kế hoạch SXKD, Công ty sẽ tổ chức triển khai thực hiện.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025; ủy quyền cho HĐQT chịu trách nhiệm rà soát, điều chỉnh lại kế hoạch SXKD khi thị trường có những biến động bất thường, ảnh hưởng tới kết quả SXKD; đảm bảo việc điều hành các nguồn lực và tổ chức hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp phù hợp với tình hình thực tế và thông báo cho các cổ đông kết quả thực hiện.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên HĐQT;
- Thành viên BKS;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ngô Hồng Minh



Số: 03/BC-NCS-HĐQT

Hà Nội, ngày 06 tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO
ĐỀ CƯƠNG ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 2020-2024
VÀ CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2025 – 2030

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài

Hội đồng quản trị xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 tình hình thực hiện kế hoạch 2020 – 2024 và chiến lược kinh doanh giai đoạn 2025 – 2030 như sau:

PHẦN 1: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 2020-2024

1. Giới thiệu chung về công ty

1.1. Tên công ty: Công ty cổ phần Suất ăn hàng không Nội Bài/Noibai Catering Services Joint Stock Company (tên viết tắt: NCS).

1.2. Ngành nghề kinh doanh

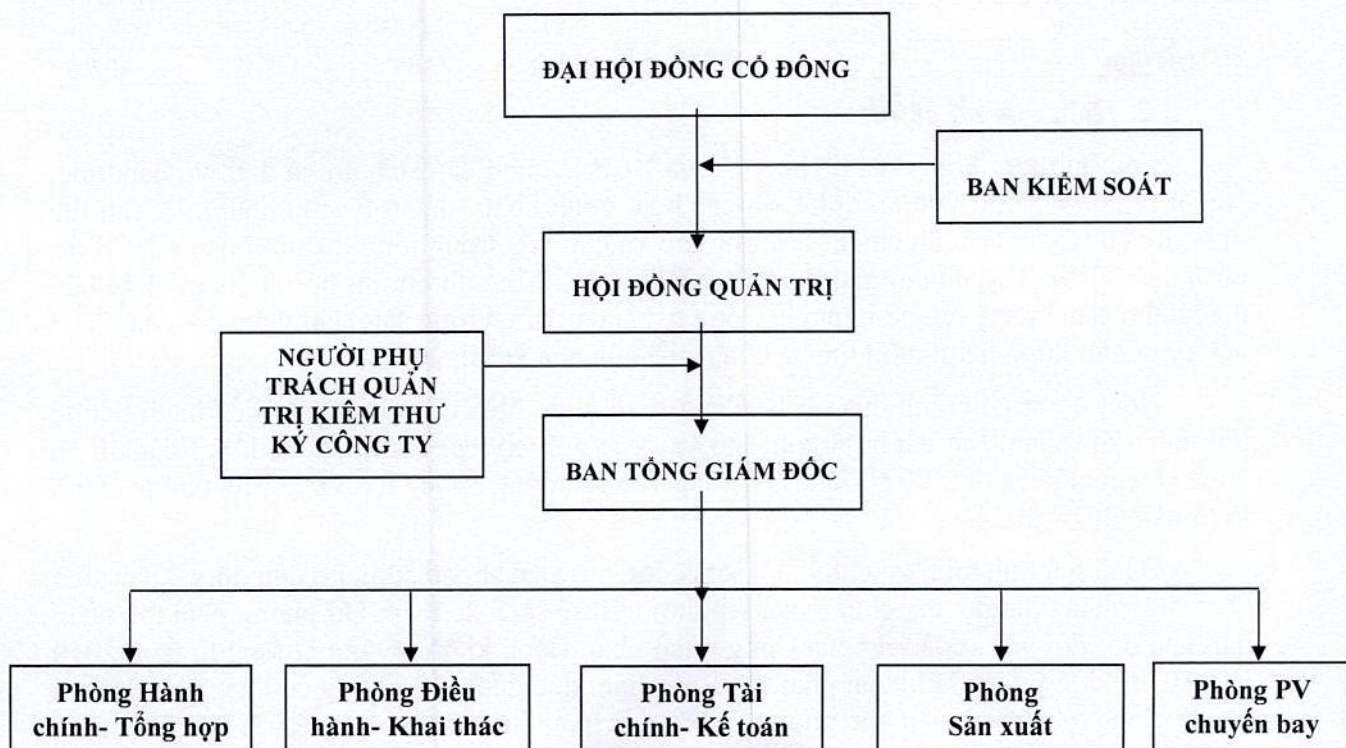
- Ngành nghề kinh doanh chính: Chế biến suất ăn phục vụ hành khách của các hãng hàng không, các chuyến bay chuyên cơ.

- Ngành nghề kinh doanh đóng góp trong chuỗi cung ứng Vận tải Hàng không: Cung cấp suất ăn, đồ uống và dịch vụ cho các chuyến bay của VNA.

- Ngành nghề kinh doanh khác: xuất nhập khẩu trực tiếp để chế biến suất ăn, bán buôn đồ uống, cung cấp các dịch vụ liên quan đến quá trình sản xuất, cung ứng suất ăn.

1.3. Cơ cấu tổ chức, quản lý hiện tại

- Cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành của công ty:



- Các đơn vị phụ thuộc: không
- Đầu tư ra ngoài DN: không

2. Môi trường tác động, ảnh hưởng đến hoạt động của công ty

Đánh giá thị trường giai đoạn 2020-2024: Giai đoạn Công ty bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch covid 19, kết quả SXKD ghi nhận lỗ các năm 2020-2021. Tuy nhiên, sau khi thị trường có dấu hiệu khởi sắc từ năm 2022 và phục hồi mạnh mẽ trong năm 2023 và 2024, Công ty dự kiến xoá hết lỗ lũy kế trong năm 2024.

3. Kết quả hoạt động của công ty giai đoạn 2020-2024

3.1. Về quy mô, sản lượng

- Biểu mẫu liên quan: BM 02 (đơn vị tính: suất ăn)

Chỉ tiêu	2020	2021	2022	2023	2024
1. Tổng sản lượng	5,373,487	2,963,593	8,886,333	10,420,646	11,100,227
2. Trong đó cung ứng cho VNA	4,339,008	1,690,660	5,660,949	6,349,492	6,823,700
- Nội địa	3,747,369	1,578,078	4,704,893	4,169,803	4,172,458
- Quốc tế	591,639	112,582	956,056	2,179,689	2,651,242
3. Trong đó cung ứng cho khách hàng khác	1,034,479	1,272,933	3,225,384	4,071,154	4,276,527
- Các hãng hàng không khác	439,561	141,042	491,179	1,015,448	1,209,011
- Non Air quy đổi (*1)	594,918	1,131,891	2,734,205	3,055,706	3,067,516
Xếp hạng thị trường	1	1	1	1	1
Sản lượng suất ăn quy đổi	4,458,763	2,525,200	8,289,808	10,933,146	11,995,726
Cung ứng cho VNA Group	3,333,765	1,207,564	4,801,023	6,313,077	7,125,588
+ VNA quốc tế	938,386	188,500	1,560,847	3,432,095	4,427,553
+ VNA quốc nội	2,395,379	1,019,064	3,240,176	2,880,982	2,698,035
Cung ứng cho đối tác khác	1,124,999	1,317,636	3,488,785	4,620,069	4,870,138
- Các hãng hàng không khác	530,081	185,746	754,580	1,564,363	1,813,359
- Non Air quy đổi (*1)	594,918	1,131,891	2,734,205	3,055,706	3,056,779
Sản lượng chuyển bay	25,831	16,442	33,387	38,485	41,295

3.2. Hiệu quả tài chính

- Các lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của NCS là cung cấp suất ăn và dịch vụ handling. Ngoài ra còn có lĩnh vực tài chính và các hoạt động khác (thanh lý, thu khác). Doanh thu lĩnh vực cung cấp suất ăn chiếm tỷ trọng lớn và chủ yếu trong tổng doanh thu của NCS (từ 60% đến 70%). Tuy nhiên, giai đoạn 2020-2024 NCS bị ảnh hưởng bởi dịch covid 19 nên doanh thu, sản lượng sụt giảm mạnh. Công ty bắt đầu tìm hướng sản xuất thêm các sản phẩm nonair để tận dụng hết nguồn lực và công suất của nhà xưởng mới.

- Hoạt động tài chính của NCS: Công ty đã thực hiện các giải pháp điều hành tiền tệ linh hoạt làm giảm bớt gánh nặng trả nợ vay các gói vay dài hạn (330 tỷ đồng) của dự án NCS và vay ngắn hạn (100 tỷ đồng) bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD. Hoạt động chính lỗ từ năm 2018-2024.

- Đánh giá tình hình tài chính, tài sản, công nợ: Các khoản công nợ đều được kiểm soát chặt chẽ, phản ánh đầy đủ, chính xác, kịp thời trên sổ sách kế toán. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi đối với khoản nợ của Công ty cổ phần Hàng không Đông Dương từ năm 2010 là 1,203 tỷ đồng. Đây là khoản phải thu Ban Giám đốc đánh giá không có khả năng thu hồi và đã thực hiện trích lập dự phòng 100% các năm trước theo quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009. Khoản trích lập dự phòng đối với công nợ phải thu khó

đòi của ông Nguyễn Quốc Khánh: 0,8 tỷ đồng tương đương 50% giá trị công nợ phải thu. Ngoài ra không phát sinh thêm nợ quá hạn, nợ khó đòi.

- Tỷ suất LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân: do tình hình SXKD năm 2020-2021 lỗ nên tỷ suất này ghi nhận -16% và -24%. Từ năm 2022, Công ty bắt đầu có lãi, tỷ suất này được cải thiện đáng kể tăng lên lần lượt là 1%, 10% và năm 2024 là 35%;

- Lợi nhuận chia cho các cổ đông/thành viên góp vốn: kết quả SXKD lỗ nên Công ty không thực hiện chi trả cổ tức. Dự kiến năm 2024 xoá hết lỗ lũy kế và bắt đầu chi trả cổ tức cho các cổ đông từ LNST năm 2025.

3.3. Đầu tư

Đánh giá tình hình thực hiện đầu tư giai đoạn 2020-2024: Do kết quả SXKD của Công ty lỗ do ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid 19 nên Công ty thực hiện cắt giảm triệt để các danh mục đầu tư, chỉ tập trung đầu tư những danh mục thực sự cấp thiết phục vụ SXKD.

(Biểu mẫu liên quan: BM 06)

3.4. Phát triển nguồn nhân lực (TCNL)

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1	Số lao động thực tế SDBQ (NLĐ&BDH)	người	645	585	640	744	756
2	Năng suất lao động	Trđ/ người/ tháng	3.81	(3.26)	12.2	19.86	26.07
3	Tiền lương bình quân	trđ/ người/ tháng	8.7	7.7	11.5	14.7	18.6

3.5. Phát triển năng lực kỹ thuật, chất lượng dịch vụ, thương hiệu

- Năng lực kỹ thuật: năng lực kỹ thuật của NCS đã có sự nâng cấp đáng kể trong thời gian qua.
 - + Nhà xưởng mới với trang thiết bị hiện có công suất 35.000 suất ăn/ngày đã đi vào hoạt động từ tháng 8/2018, đảm bảo các tiêu chuẩn quốc tế về an toàn vệ sinh thực phẩm;
 - + Đội ngũ đầu bếp, giám sát, cán bộ cấp trung được tăng cường về số lượng và chất lượng. Công ty đã tập trung công tác tuyển dụng và đào tạo trong suốt thời gian qua nên chất lượng nhân lực có sự cải thiện đáng kể đáp ứng tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và các yêu cầu khắt khe của khách hàng;
- Chất lượng dịch vụ: chất lượng sản phẩm, dịch vụ đã được cải thiện mạnh. Trong 5 năm qua, NCS đã nhận được nhiều giải thưởng: Công ty suất ăn xuất sắc nhất do các hãng hàng không 4* hoặc 5* trao tặng, như: Vietnam Airlines, Japan Airlines, All Nippon Airways, Asiana Airlines... Chất lượng sản phẩm dịch vụ hiện tại đáp ứng được yêu cầu của các khách hàng hiện tại và tương lai.
- Thương hiệu: NCS chủ yếu đang hoạt động trong lĩnh vực suất ăn cung ứng cho hàng không và giới hạn hoạt động tại sân bay Nội Bài. Trên thế giới hiện nay đã hình thành các chuỗi công ty suất ăn hàng không như LSG Sky Chef, Gate Gourmet, CPCS... Đặc thù ở Việt Nam thì chỉ là công ty catering đơn lẻ nên thương hiệu chưa được biết đến nhiều như các hệ thống catering lớn. Đối với lĩnh vực phi hàng không, NCS đã bước đầu bước vào thị trường và tạo được dấu ấn thương hiệu.

3.6. Hợp tác



- Trong 5 năm qua, NCS chưa có các hình thức hợp tác chính thức với các đối tác khác

3.7. Đánh giá tổng quát

- Những kết quả đạt được: Trong 5 năm qua, NCS đã đạt được nhiều thành tựu nổi bật về hệ thống và kinh doanh tạo nền tảng vững chắc cho tương lai cũng như mang lại lợi ích tốt cho các cổ đông. Ngoài trừ các yếu tố khách quan do việc xây dựng nhà xưởng mới, do đại dịch Covid19, lợi nhuận của Công ty luôn tăng trưởng mạnh qua các năm. Công ty đã có nền móng vững chắc cho sự phát triển trong tương lai nhờ việc hoàn thiện Cơ sở sản xuất kinh doanh mới. Hệ thống quản lý chất lượng dần đạt đến tiêu chuẩn quốc tế, được khách hàng ghi nhận thông qua các đợt đánh giá hàng năm. Đội ngũ nhân sự chủ chốt có trình độ chuyên môn cao, yêu nghề và cam kết gắn bó lâu dài với Công ty. Hệ thống công nghệ thông tin nền tảng như hệ thống ERP quản trị sản xuất đã được phát triển và ứng dụng hiệu quả.

- Những hạn chế: giai đoạn dịch bệnh nên doanh thu sụt giảm nghiêm trọng, việc tuyển dụng lao động rất khó khăn đặc biệt là lao động có tay nghề cao; mức thu nhập chưa đủ hấp dẫn để thu hút nhân sự có chất lượng cao; các hệ thống quản trị còn rời rạc chưa được kết nối thành hệ thống tổng thể; ...

- Mỗi quan hệ, vai trò, những đóng góp của DN đối với hoạt động SXKD của VNA Group và các doanh nghiệp khác trong VNA Group:

+ NCS đóng góp tích cực vào sự phát triển của Vietnam Airlines thông qua việc đáp ứng tốt nhất các yêu cầu do Tổng Công ty đề ra. Ngoài việc cung ứng dịch vụ suất ăn với chất lượng sản phẩm dịch vụ tốt nhất, NCS còn hỗ trợ VNA trong các đợt chào hàng ở nước ngoài, phối hợp cung ứng các dịch vụ mới như rượu bảo thuế, đồ uống bảo thuế, duty free, bán hàng trên máy bay,... Sự đóng góp của NCS đã được ghi nhận trong nhiều thư khen của VNA cũng như các phần thưởng do VNA trao tặng.

+ Đối với các công ty con của VNA, NCS cũng đã hỗ trợ trong việc cung ứng suất ăn, dịch vụ với chất lượng sản phẩm dịch vụ tốt, chi phí hợp lý;

PHẦN 2: CHIẾN LƯỢC CÔNG TY GIAI ĐOẠN 2025-2030

1. Sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi

- Sứ mệnh: Cung cấp các suất ăn, dịch vụ và giải pháp đáp ứng những chuẩn mực quốc tế, phù hợp với yêu cầu của khách hàng, có bản sắc riêng, hướng đến sự thỏa mãn toàn diện của khách hàng;
- Tầm nhìn: hướng đến trở thành doanh nghiệp cung cấp suất ăn hàng đầu tại châu Á – Thái Bình Dương.
- Giá trị cốt lõi: Lắng nghe và thấu hiểu – Cam kết và tận tâm – Tuân thủ và kỷ luật – Cải tiến liên tục, phát triển không ngừng.

2. Môi trường kinh doanh

- Môi trường vĩ mô: Việt Nam đang đứng trước nhiều cơ hội và thách thức trong hành trình phát triển kinh tế và du lịch giai đoạn 2025 – 2030
- Môi trường ngành: tổng sản lượng hành khách thông qua các cảng hàng không dự kiến đến năm 2030 đạt khoảng 275,9 triệu hành khách (chiếm 1,5-2% thị phần vận tải giao thông và chiếm 3-4% tổng sản lượng vận tải hành khách liên tỉnh). Tổng sản lượng hàng hóa thông qua các cảng hàng không khoảng 4,1 triệu tấn (chiếm 0,05-0,1% thị phần vận tải giao thông)

3. Phân tích doanh nghiệp (SWOT)

- Điểm mạnh:
 - Nguồn nhân lực ổn định, có nhiều kinh nghiệm; cán bộ tâm huyết, gắn bó với Công ty; đội ngũ đầu bếp có năng lực chuyên môn sâu, đáp ứng tốt yêu cầu của các hãng hàng không.
 - Trang thiết bị nhà xưởng hiện đại đáp ứng tốc độ tăng trưởng trong thời gian tới.
 - Tình hình tài chính ổn định.
 - Hệ thống ERP đã được triển khai sớm và hiệu quả. Đây là nguồn dữ liệu quan trọng để quản lý, điều hành sản xuất.
 - Có hệ thống quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn quốc tế, đảm bảo an toàn cho dịch vụ suất ăn hàng không. Hệ thống quy trình bao phủ các hoạt động.
 - Sản phẩm có chất lượng ổn định và độ an toàn cao.
- Điểm yếu:
 - Nhân sự có tay nghề cao khó tuyển dụng do tính cạnh tranh cao; vị trí địa lý không thuận tiện trong việc đi lại.
 - Diện tích kho chưa đáp ứng nhu cầu khi mở rộng sản xuất.
- Cơ hội:
 - Sự tăng trưởng mạnh trong lĩnh vực ẩm thực hàng ngày của người dân. Đây là cơ hội để tiếp tục tăng trưởng trong lĩnh vực phi hàng không.
 - Các hiệp định thương mại tự do sẽ mở ra cơ hội nhập khẩu hàng hóa với chi phí rẻ; nhiều cơ hội xuất khẩu sản phẩm ra nước ngoài.
- Thách thức:
 - Thị trường suất ăn hàng không sẽ hạn chế về tăng trưởng ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
 - Hãng hàng không sẽ cắt giảm ngân sách dẫn đến giảm tiêu chuẩn, giảm giá.
 - Mặt bằng giá giảm do cạnh tranh.
 - Sản phẩm nonair chịu sức cạnh tranh lớn từ thị trường trong nước.

4. Mục tiêu, định hướng phát triển của công ty giai đoạn 2025-2030.

- Trong giai đoạn 2025-2030: Công ty đặt mục tiêu phát triển bền vững và tăng trưởng ổn định qua các năm trong một môi trường tính cạnh tranh ngày càng trở nên gay gắt. Một số định hướng chính như sau:
- Tăng cường chất lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, tiếp tục khẳng định vị thế của thương hiệu;
- Đa dạng hóa sản phẩm và dịch vụ;
- Ứng dụng công nghệ và tối ưu hóa quy trình;
- Mở rộng thị trường và khách hàng;

- Chú trọng phát triển doanh nghiệp gắn với bảo vệ môi trường;
- Tiếp tục đầu tư, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

6. Kế hoạch tài chính

STT	Chỉ tiêu	2025	2026	2027	2028	2029	2030
I	Kết quả SXKD						
1	Vốn đầu tư của các CSH	179,491	179,491	179,491	179,491	179,491	179,491
	Trong đó:						
	+ Vốn đầu tư của TCT cuối kỳ báo cáo	108,006	108,006	108,006	108,006	108,006	108,006
	+ Tổng giá trị vốn góp của TCT trong kỳ						
2	Tổng doanh thu	841,387	913,511	987,013	1,048,097	1,102,368	1,153,016
	- Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	838,734	911,712	984,595	1,044,770	1,097,931	1,148,274
	Trong đó: Doanh thu HHĐV cung ứng cho TCT	482,988	527,904	570,136	604,344	636,653	670,702
	- Doanh thu hoạt động tài chính	2,432	1,581	2,190	3,088	4,189	4,489
	- Thu nhập khác	222	218	229	238	247	253
3	Tổng chi phí	760,832	816,772	874,167	921,880	965,008	1,004,196
	- Chi phí SXKD	752,443	809,956	869,442	919,168	962,487	1,002,471
	- Chi phí tài chính	8,389	6,816	4,724	2,712	2,521	1,725
	- Chi phí khác	-	-	-	-	-	-
4	LNTT	80,555	96,739	112,847	126,217	137,360	148,820
5	LNST	64,444	77,391	90,277	100,973	109,888	119,056
6	Lợi nhuận cổ tức TCT được hưởng trong kỳ						
	+ Bằng tiền	32,400	42,120	48,600	54,000	59,400	64,799
	+ Bằng cổ phiếu (Giá trị theo mệnh giá)						
7	Đầu tư TTB và XD CB						
	+ Giá trị khối lượng công việc hoàn thành	59,189	34,451	32,650	32,435	33,786	41,206
	+ Giá trị giải ngân	56,847	34,841	36,560	18,975	37,246	35,406
8	Đầu tư ra ngoài DN						
II	Các chỉ số khả năng sinh lời						
1	Tỷ suất LNTT/Tổng DT (%)	10%	11%	11%	12%	12%	13%
2	Tỷ suất LNTT/Tổng TS (%)	16%	19%	22%	24%	25%	27%
3	Tỷ suất LNST/Vốn chủ sở hữu BQ (%)	31%	31%	35%	37%	39%	41%
III	Một số chỉ tiêu cơ cấu tài chính						
1	Vốn CSH/Tổng nguồn vốn (%)	48%	49%	51%	52%	52%	52%
2	Nợ phải trả/Vốn CSH (lần)	1.10	1.02	0.97	0.93	0.91	0.91
3	Nợ phải trả/Tổng TS (%)	0.52	0.51	0.49	0.48	0.48	0.48
4	Nợ dài hạn/Vốn CSH (lần)	0.03	-	-	-	-	-
VI	Các chỉ số khả năng thanh toán						
1	Khả năng thanh toán tổng quát (lần)	1.91	1.98	2.03	2.07	2.10	2.10
2	Khả năng thanh toán dài hạn (lần)	43.9					
3	Khả năng thanh toán nhanh (lần)	0.61	0.59	0.66	0.73	0.77	0.85
4	Khả năng thanh toán hiện thời (lần)	0.68	0.65	0.72	0.80	0.84	0.91

* Cơ sở, giả định xây dựng KH

- Giai đoạn 2025-2030, Công ty đã xoá toàn bộ lỗ lũy kế. Tình hình SXKD có lãi và bắt đầu thực hiện chia cổ tức từ LNST năm 2025.

- Tốc độ tăng trưởng sản lượng bình quân giai đoạn 2025-2030 bình quân đạt 7%/năm. Dự kiến đến năm 2030: tổng suất ăn công ty cung cấp bình quân đạt gần 50.000 suất ăn/ngày.

- Tốc độ tăng trưởng Tổng doanh thu bình quân giai đoạn 2025-2030 đạt 7%/năm, kế hoạch tới năm 2030, tổng doanh thu công ty đạt mức trên 1.150 tỷ đồng. Trong đó:

- + Kế hoạch doanh thu cung ứng cho VNA đạt mức tăng trưởng bình quân 7%/năm;
- + Kế hoạch doanh thu các hãng hàng không khác tăng trưởng bình quân 8%/năm;
- + Kế hoạch doanh thu Nonair tăng trưởng bình quân 3%/năm.

- Tốc độ tăng trưởng lợi nhuận KH 2025-2030 đạt mức bình quân 13%/năm, với tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần đạt mức bình quân 10%/năm với các giả định sau:

- + Công ty không thực hiện chiết khấu cho Tổng công ty giai đoạn 2026-2030;
- + Công ty chưa xây dựng phương án đầu tư xây dựng mở rộng cơ sở hạ tầng để tăng năng lực và quy mô sản xuất kinh doanh. Trong quá trình thực hiện phát sinh nhu cầu đầu tư lớn để tăng năng lực và quy mô sản xuất, công ty sẽ xin bổ sung và báo cáo tại KH năm phát sinh.
- + Tốc độ tăng trưởng năng suất lao động bình quân KH 2025-2030 đạt 07%/năm, đạt 38,5 triệu đồng/người/tháng vào năm 2030.
- Các khoản nợ dài hạn vay tài trợ cho dự án xây dựng cơ sở chế biến suất ăn đã hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vào tháng 6 năm 2027;

7. Kế hoạch phát triển nguồn lực

- Nhân lực

- + Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phù hợp với các yêu cầu phát triển của Công ty, tập trung tuyển dụng, đào tạo cán bộ quản lý, nhân sự chuyên môn sâu và tay nghề cao.
- + Xây dựng hệ thống chính sách đãi ngộ phù hợp với sự phát triển của thị trường lao động.

- Công nghệ:

- + Đảm bảo an ninh, an toàn và thực hiện chuyển đổi số một cách sâu rộng và toàn diện bắt kịp xu hướng CNTT tiên tiến.
- + Phát triển các hệ thống quản lý truy xuất nguồn gốc, hệ thống thông tin dự báo và quản trị dự báo, hệ thống thông tin quản lý phục vụ công tác điều hành và kiểm soát quá trình sản xuất

- Thương hiệu

- + Gắn chặt với thương hiệu Vietnam Airlines trong cả hai lĩnh vực suất ăn hàng không và phi hàng không
- + Tập trung quảng bá thương hiệu thông qua việc tham gia các giải thưởng về chất lượng của các tổ chức quản lý chất lượng trong lĩnh vực hàng không như Medina. Tham gia các hội thảo chuyên ngành nhằm quảng bá nét riêng trong hệ thống của mình.

8. Kế hoạch đầu tư

Giai đoạn 2025 - 2030 đầu tư tập trung phục vụ SXKD nhằm thay thế các thiết bị đã cũ hỏng hết khấu hao, khả năng đáp ứng nhu cầu khách hàng, đa dạng các sản phẩm. Ngoài ra, xây dựng các hệ thống phần mềm có khả năng kết nối cao, giúp điều hành linh hoạt, áp dụng chuyển đổi số hiệu quả.

9. Nhu cầu tăng vốn điều lệ: không

10. Kế hoạch hành động, các giải pháp thực hiện kế hoạch trên từng lĩnh vực

10.1. Thương mại:

a) Sản phẩm:

- Suất ăn hàng không:

- + Nâng cấp chất lượng sản phẩm trên các đường bay trọng điểm và suất ăn hạng C.

- + Đa dạng hóa sản phẩm hạng Y nhằm đáp ứng yêu cầu chất lượng và chi phí của khách hàng.
- + Phát triển các sản phẩm đông lạnh nhằm tiết kiệm chi phí và chủ động trong phục vụ.
- Phi hàng không:
 - + Nghiên cứu phát triển thêm nhiều dòng sản phẩm ăn ngay như sản phẩm nóng, bánh mì, bánh ngọt, đồ uống...
 - + Phát triển dòng sản phẩm phục vụ sự kiện.
 - + Sử dụng công nghệ phù hợp tạo sự khác biệt về điều kiện bảo quản và hương vị.

b) *Hệ thống quản trị chất lượng:*

- Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000:2018.
- Hệ thống quản lý sức khỏe và an toàn lao động ISO 45001.
- Hệ thống quản lý an toàn hàng không (SMS)
- Hệ thống quản lý chất lượng HACCP
- Tiêu chuẩn Halal do Jakim chứng nhận
- Tiêu chuẩn, hướng dẫn quản lý an toàn thực phẩm, quản lý chất lượng của Hiệp hội vận tải hàng không quốc tế IATA (IFSA và QSAI)
- Tiêu chuẩn riêng của các khách hàng

c) *Giá cả:*

- Phát triển sản phẩm trên nền tảng chi phí hợp lý, phù hợp với yêu cầu của khách hàng.

d) *Kênh phân phối:*

- Suất ăn hàng không: Phân phối trực tiếp tại sân bay Nội Bài và một số sân bay lân cận như Cát Bi, Vân Đồn theo phương thức sản xuất tập trung tại Nội Bài, vận chuyển và phục vụ tại Cát Bi, Vân Đồn.
- Phi hàng không: Phát triển hệ thống phân phối trực tiếp và gián tiếp thông qua đại lý, nhà phân phối. Kết hợp sử dụng kênh phân phối của Vietnam Airlines và các công ty đơn vị thành viên VNA.

e) *Quảng bá:*

- Thực hiện việc quảng bá và tiếp cận khách hàng hàng không thông qua giới thiệu sản phẩm dịch vụ trực tiếp; tham gia các hội chợ, hội nghị chuyên ngành hàng không và suất ăn. Tiếp cận các khách hàng tiềm năng thông qua mối quan hệ của Vietnam Airlines.
- Mạng phi hàng không:
 - + Kết hợp quảng bá hình ảnh và sản phẩm cùng với các chương trình quảng bá của Vietnam Airlines.
 - + Hoàn thiện bao bì để đưa các sản phẩm bao gói mang thương hiệu NCS lên chuyến bay để tiếp cận được với hàng khách đi máy bay. Đây là kênh tiết kiệm và tiếp cận được nhiều khách hàng tiềm năng.

- + Sử dụng công cụ online để quảng bá như facebook, zalo, viber... và một số trang web chuyên về thực phẩm tiêu dùng.

10.2. Nguồn lực:

- Tiếp tục tuyển dụng thêm các vị trí quản lý và chuyên môn quan trọng như quản lý sản xuất, đầu bếp, quản lý chất lượng, giám sát.
- Duy trì tốt hệ thống nhà xưởng, trang thiết bị.

10.3. Đầu tư:

- Việc đầu tư trang thiết bị, phương tiện vận tải, hệ thống CNTT... cần thỏa mãn các yêu cầu sau:
 - + Đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng về vệ sinh an toàn thực phẩm và chất lượng suất ăn cũng như nâng cao hình ảnh Công ty trong việc thu hút các khách hàng mới và đảm bảo tuân thủ chặt chẽ các tiêu chuẩn chất lượng của hệ thống ISO 22000;
 - + Việc đầu tư các trang thiết bị được tính toán kỹ lưỡng trên cơ sở thay thế các hạng mục thiết bị cũ hỏng do đã sử dụng nhiều năm hết khấu hao.
 - + Chi đầu tư các trang thiết bị thực sự cần thiết tối thiểu để đảm bảo nguồn lực thiết bị phục vụ sản xuất theo tăng trưởng hàng năm đáp ứng yêu cầu của các Hãng hàng không và các khách hàng khác.
 - + Các danh mục, dự án đầu tư phải xuất phát từ yêu cầu của sản xuất, để phục vụ hoạt động sản xuất và trên hết phải đảm bảo các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và hiệu quả kinh doanh.
 - + Từng bước thực hiện công tác chuyển đổi số một cách đồng bộ.

10.4. Tài chính:

Cân đối nguồn tiền đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như đầu tư vào các dự án trọng điểm về công nghệ, nhà xưởng, công nghệ thông tin, thiết bị, xe nâng...

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua báo cáo đề cương đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch 2020-2024 và chiến lược giai đoạn 2025-2030 của Công ty cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Ngô Hồng Minh

Số: 03/TTr-NCS-HĐQT

Hà Nội, ngày 03 tháng 4 năm 2025

TỜ TRÌNH

**V/v chi trả tiền lương, thù lao năm 2024 và phương án
chi trả năm 2025 cho HĐQT, BKS**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 về việc chi trả tiền lương, thù lao năm 2024 và phương án chi trả lương, thù lao năm 2025 cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát như sau:

1. Chi trả tiền lương, thù lao cho HĐQT, BKS năm 2024:

Thực hiện Nghị quyết số 05/NQ-NCS-ĐHĐCĐ ngày 24/4/2024 của Đại hội đồng cổ đông và kết quả SXKD thực tế, Công ty xác định thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và tiền lương cho Trưởng Ban kiểm soát như sau:

a) Thù lao của HĐQT, BKS:

❖ **Thù lao KH2024 của HĐQT, BKS xác định theo Nghị quyết số 05/NQ-NCS-ĐHĐCĐ:** 662.400.000 đồng, trong đó:

- Mức thù lao của Chủ tịch HĐQT: 12 triệu đồng/tháng;
- Mức thù lao của Thành viên HĐQT: 9,6 triệu đồng/người/tháng;
- Mức thù lao của Kiểm soát viên: 7,2 triệu đồng/người/tháng;

❖ Lợi nhuận TH2024 là 67,6 tỷ đồng, tăng 30% so với KH2024 (51,9 tỷ đồng). Do vậy, mức thù lao bình quân TH2024 của HĐQT, BKS được tăng tối đa 20% so với KH2024. Tổng thù lao TH2024 là 794.880.000 đồng, cụ thể:

- Mức thù lao của Chủ tịch HĐQT: 14,4 triệu đồng/tháng;
- Mức thù lao của Thành viên HĐQT: 11,5 triệu đồng/người/tháng;
- Mức thù lao của Kiểm soát viên: 8,6 triệu đồng/người/tháng.

b) Tiền lương TH2024 của Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách:

❖ Tiền lương KH2024 xác định theo Nghị quyết số 05/NQ-NCS-ĐHĐCĐ ngày 24/4/2024: 555.600.000 đồng, tương đương với mức 46.300.000 đồng/tháng;

❖ Lợi nhuận TH2024 là 67,6 tỷ đồng, tăng 30% so với KH2024 (51,9 tỷ đồng). Do vậy, mức tiền lương bình quân TH2024 của Trưởng BKS được tăng tối đa 20% so với KH2024. Tổng tiền lương TH2024 của Trưởng BKS là 667.058.824 đồng, tương đương mức 55.588.235 đồng/tháng.

2. Phương án chi trả lương, thù lao cho HĐQT, BKS năm 2025: Thực hiện theo hướng dẫn tại Nghị định số 44/2025/NĐ-CP như sau:

- Mức thù lao của Chủ tịch HĐQT: 14,4 triệu đồng/tháng;
- Mức thù lao của Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên: 11,6 triệu đồng/người/ tháng;
- Mức tiền lương của Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách: 60 triệu đồng/tháng;

Tổng tiền lương, thù lao KH2025 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2025 là 1.588.800.000 đồng.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án chi trả tiền lương, thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2024 và kế hoạch năm 2025.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên HĐQT;
- Thành viên BKS;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Ngô Hồng Minh